

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2020/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 12 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tăng Giàu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Tiền

Ông Nguyễn Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quốc Đại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 503/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 503/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Cẩm T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh Trần Chí L, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu

(Chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2020 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Cẩm T trình bày: Chị và anh Trần Chí L được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/4/2015, việc kết hôn là do hai người tự nguyện tìm hiểu sau đó mới kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống gia đình luôn căng thẳng không hàn gắn được, hiện tại thì chị và anh L không còn sống chung khoảng một năm nay nên hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, nhận thấy

mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Chí L.

Về con chung: Chị và anh L có một người con chung tên Trần Thuyền K, sinh ngày 24/6/2016, hiện tại đang sống với anh L. Khi ly hôn chị đồng ý giao con cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Chị và anh L không có tài sản chung, không nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Chí L: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như triệu tập anh L tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng anh L vắng mặt không rõ lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định pháp luật, bị đơn anh L chưa chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Cẩm T đối với anh Trần Chí L; về con chung: Giao người con chung Trần Thuyền K, sinh ngày 24/6/2016 cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, hiện tại cháu K đang sống với anh L nên giữ nguyên. Về tài sản chung và nợ: Chị T xác định không có tài sản chung và cũng không nợ ai, không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Trần Chí L, cư trú tại ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt các đương sự: Chị Nguyễn Cẩm T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và được Tòa án chấp nhận; anh Trần Chí L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do; căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh L.

[4]. Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Cẩm T và anh Trần Chí L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/4/2015, nên hôn nhân giữa chị T và anh L là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[5]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Cẩm T yêu cầu ly hôn với anh Trần Chí L. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm, gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không hàn gắn được, nên hôn nhân anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng.

[6]. Căn cứ Biên bản về việc xác minh tình trạng hôn nhân của chị Trần Cẩm T và anh Trần Chí L ngày 10/11/2020, đại diện Ban nhân dân ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xác định hiện tại anh L không có mặt tại địa phương, anh L đi đâu và làm gì địa phương không biết, vì khi đi anh L không trình báo địa phương. Đồng thời, quá trình chung sống giữa anh L và chị T hay cự cãi, do bất đồng quan điểm, hôn nhân giữa anh L và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng.

[7]. Mục đích của hôn nhân là để tạo dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải yêu thương, quý trọng và chăm sóc lẫn nhau, nhưng trong thời gian chung sống chị T và anh L phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống gia đình luôn căng thẳng không hàn gắn được, hiện tại chị T và anh L không còn sống chung khoảng một năm nay, nên hôn nhân giữa chị T và anh L lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có căn chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh L.

[8]. Về con chung: Chị Nguyễn Cẩm T xác định chị và anh Trần Chí L có một người con chung tên Trần Thuyên K, sinh ngày 24/6/2016, hiện tại đang sống với anh L. Khi ly hôn chị đồng ý giao con cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Trần Thuyên K cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[9]. Về tài sản chung và nợ: Chị Nguyễn Cẩm T xác định, chị và anh L không có tài sản chung và cũng không nợ ai, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Cẩm T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[11]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; các điểm a, b khoản 1 Điều 227; các điểm a, b khoản 1 Điều 238

và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Cẩm T đối với anh Trần Chí L.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thuyên K, sinh ngày 24/6/2016 cho anh Trần Chí L tiếp tục nuôi dưỡng, hiện tại cháu K đang sống với anh L nên giữ nguyên. Chị Nguyễn Cẩm T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình chị Nguyễn Cẩm T phải chịu 300.000 đồng. Chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007920 ngày 06 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Cẩm T và anh Trần Chí L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Tăng Giàu

